

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa
2. Ông Nguyễn Bá Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Phạm Thật- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1- ***Nguyên đơn:*** Anh **Nguyễn Văn T** -sinh năm 1997; nơi cư trú: Khu 03, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - ***Bị đơn:*** Chị **Lưu Thị Hồng N** -sinh năm 1998; nơi ĐKKHKT: Khu 03, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T và chị Lưu Thị Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 21/5/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh T tại khu 03, xã P. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N tự ý ra ngoài địa phương làm

thuê và trong thời gian đi làm thuê, chị N có biểu hiện ham chơi, không quan tâm tới chồng, con dẫn tới vợ chồng thường xuyên tranh cãi bất hòa. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh T- sinh ngày 03/10/2016, Nguyễn Minh Đ- sinh ngày 07/12/2017. Hiện 02 con chung ở cùng anh T và bố mẹ đẻ anh T. Nếu ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ gồm: gặp mẹ đẻ chị N để xác minh thông tin về chị N và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của ngành Tòa án nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời trình bày, ý kiến, yêu cầu của bị đơn là chị Lưu Thị Hồng N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành giấy báo của Tòa án, vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lưu Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Minh T- sinh ngày 03/10/2016, Nguyễn Minh Đ- sinh ngày 07/12/2017. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị N vắng mặt nếu sau này có đề nghị thì giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị N bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng anh T, chị N chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, không ai chịu nghe lời ai và thiếu sự tin tưởng với nhau, dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ cuối năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh T đã trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bảo đảm cho con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định, còn chị N thường vắng mặt tại địa phương, thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về chi phí tố tụng: Anh T yêu cầu nên anh T phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng cộng là 3.000.000đồng.

[6]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lưu Thị Hồng N.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Nguyễn Minh T- sinh ngày 03/10/2016, Nguyễn Minh Đ- sinh ngày 07/12/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Lưu Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh T không yêu cầu.

2.2. Chị Lưu Thị Hồng N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn T phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000đồng nhưng được trừ vào số tiền

tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 3.000.000đồng (Anh T đã nộp đủ).

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003822 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng